

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HS-ST
Ngày: 01-3-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Dinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2024, đối với:

1. Bị cáo PHẠM VĂN H sinh ngày 24/12/1996, tại thành phố H; nơi cư trú: thôn Đ, xã P, huyện K, thành phố H; nghề nghiệp: lao động tự do; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: lớp 5/12; con ông Phạm Văn Đ (đã chết) và bà Vũ Thị M sinh năm 1965; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: bản án số 17/HSST ngày 05/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng, xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", ngày 03/8/2017 đã chấp hành xong hình phạt tù. ngày 28/9/2016 đã thi hành xong án phí và tiền phạt nhưng chưa thi hành phần trách nhiệm dân sự; tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 28/11/2023 đến ngày 01/12/2023 chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị hại:

2.1. Anh Nguyễn Thanh T sinh năm 1982; cư trú tại: thôn N, xã O, huyện T, tỉnh B. (vắng mặt)

2.2. Chị Nguyễn Thị H1 sinh năm 1983; cư trú tại: thôn N, xã O, huyện T, tỉnh B. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị M sinh năm 1965; cư trú: thôn Đ, xã P, huyện K, thành phố H. (có mặt)

4. Người làm chứng: Ông Nguyễn Ngọc Tr sinh năm 197; cư trú tại: thôn N, xã O, huyện T, tỉnh B. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 28/11/2023, bị cáo Phạm Văn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave sơn màu xanh đen, gắn biển kiểm soát 15G1-072.39 từ nhà đến huyện Thái Thụy để trộm cắp tài sản. Khoảng 01 giờ 55 phút cùng ngày, khi đi đến nhà ở của vợ chồng anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị H1 tại thôn Nam Ô Trình, xã Thụy Trình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, H quan sát thấy cửa phòng phía trước trên tầng 2 không đóng, bị cáo dừng lại, để xe mô tô ở vỉa hè cách nhà anh T khoảng 10m rồi đi bộ đến trước nhà anh T, chị H1. Quan sát thấy có thể trèo lên tầng 2 được, H để dép cạnh cổng rồi trèo lên qua dậu nhảy xuống sân, H tiếp tục quan sát, thấy ở góc hiên tầng 1 có lắp camera, H trèo lên tường dậu, dùng chân gạt camera quay ra hướng khác để tránh bị phát hiện. Sau đó, H bám hai tay vào mái tầng 1 để đu, bật người lên ban công tầng 2 rồi đi vào trong gian phòng thờ. Do trời tối, trong nhà không bật điện, H bật đèn flash ở điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen để tìm tài sản trong phòng thờ, cầu thang và phòng trẻ em ngủ nhưng không thấy có tài sản gì. H đi lối cầu thang xuống tầng 1, thấy trên mặt bàn kê trong gian bếp có 01 chiếc cặp xách màu đen đã cũ, H lấy mang theo, mục đích để đựng tài sản; H tiếp tục vào phòng ngủ của vợ chồng anh T; thấy vợ chồng anh T đang ngủ, trong phòng có bật đèn ngủ, trên tủ tivi ở góc phòng có 02 chiếc điện thoại di động H lấy 02 chiếc điện thoại bỏ vào trong cặp xách rồi đi ra phòng khách; thấy trên giá để đồ trong phòng khách có để 03 chiếc máy tính laptop, H lấy 03 chiếc máy tính laptop cho vào trong cặp xách, định trở lại lối cũ để tẩu thoát. Vừa lúc đó, anh T tỉnh dậy, đi từ trong phòng ngủ ra phát hiện nên đã tri hô. Thấy vậy, H đeo chiếc cặp xách lên vai, chạy ngược lên cầu thang lên tầng 2 rồi, ra chạy theo lối cũ nhảy xuống đường; anh T đuổi theo H nhưng không bắt được, liền đứng trên tầng hai hô tri hô; ông Nguyễn Ngọc Tr ở giáp nhà anh T nghe thấy anh T hô trộm cũng tỉnh dậy, cầm theo đèn pin đứng trên mái tôn trước công nhà mình soi thấy H đang trèo tường nhà anh T, ông Tr hô đứng lại nhưng H vẫn chạy ra nổ máy xe mô tô bỏ chạy, ông Tr tri hô, H mới dừng xe, đi bộ sang đường và để lại chiếc cặp xách cùng toàn bộ tài sản trộm cắp của anh T xuống vỉa hè và nói: “Cháu tra này” rồi điều khiển xe đi về nhà. Trong lúc bỏ chạy, H làm rơi chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen của H ở cầu thang nhà anh T. Anh T nhặt được và giao nộp cho Công an. Sau khi tiếp nhận thông tin tội phạm, qua kiểm tra dữ liệu trong chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7Plus, màu đen H làm rơi ở nhà anh T, phát hiện có ảnh căn cước công dân của H, Công an xã Thụy Trình đã triệu tập H đến làm việc.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 66/KL-HĐĐGTS ngày 30/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thái Thụy kết luận 02 chiếc điện thoại di động đều đã qua sử dụng (01 chiếc nhãn hiệu REMI NOTE 10 màu xanh, trị giá 1.767.000 đồng và 01 chiếc nhãn hiệu VsMart V4 màu xanh, trị giá

867.000 đồng); 03 chiếc máy tính laptop đều đã qua sử dụng (01 chiếc nhãn hiệu HP 650G4 màu trắng, trị giá 5.500.000 đồng; 01 chiếc nhãn hiệu DELL 5290 màu đen, trị giá 5.000.000 đồng và 01 chiếc nhãn hiệu HP 450 G5 màu trắng, trị giá 5.000.000 đồng). Tổng tài sản trộm cắp trị giá 18.134.000 đồng.

Cơ quan Điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng và trao trả lại cho anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị H1 01 chiếc nhãn hiệu REMI NOTE 10 màu xanh, 01 chiếc nhãn hiệu VsMart V4 màu xanh; 01 chiếc nhãn hiệu HP 650G4 màu trắng, 01 chiếc nhãn hiệu DELL 5290 màu đen và 01 chiếc nhãn hiệu HP 450 G5 màu trắng.

Cáo trạng số 19/CT-VKSTT ngày 02/02/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố bị cáo Phạm Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa; bị cáo Phạm Văn H không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố. Bà Nguyễn Thị M đề khai: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave sơn màu xanh đen, gắn biển kiểm soát 15G1-072.39 cơ quan điều tra quản lý của bị cáo là tài sản của vợ chồng bà, hàng ngày bị cáo dùng để đi mua phế liệu, bà không biết việc bị cáo đi trộm cắp, bà đề nghị Tòa án trả lại cho bà chiếc xe này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

- + Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn H mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 28/11/2023.

- + Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- + Về trách nhiệm dân sự: anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị H đã nhận lại toàn bộ tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm gì khác nên không đặt ra giải quyết;

- + Về xử lý vật chứng: đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bà M 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh xám đen, BKS 15G1-072.39 đã qua sử dụng; tịch thu của bị cáo 01 điện thoại Iphone7Plus màu đen và 01 đôi dép màu đen để tiêu hủy.

- + Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về việc làm của mình, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: lời khai của bị cáo tại phiên tòa không có sự thay đổi so với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; bị cáo đã thừa nhận quyết định truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo về tội trộm cắp tài sản là đúng. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, gồm: Đơn trình báo, lời khai của người bị hại anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị H1 (Bút lục số: 01,75 đến 84); Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thái Thụy lập ngày 29/11/2023 (Bút lục số 23 đến 42); Bản kết luận định giá tài sản số 66/KL-HĐĐGTS ngày 30/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thái Thụy; Biên bản ghi lời khai của người làm chứng: ông Nguyễn Ngọc Tr (Bút lục số 85 đến 87);

[3] Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn để kết luận: vào Khoảng 01 giờ 55 phút ngày 28/11/2023, lợi dụng sơ hở của vợ chồng anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị H1, bị cáo Phạm Văn H đã lén lút đột nhập vào trong nhà ở của vợ chồng anh T tại thôn Nam Ô Trình, xã Thụy Trình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình trộm cắp tài sản của vợ chồng anh T, gồm: 02 chiếc điện thoại di động đều đã qua sử dụng (01 chiếc nhãn hiệu REMI NOTE 10 màu xanh, 01 chiếc nhãn hiệu VsMart V4 màu xanh) và 03 chiếc máy tính laptop đều đã qua sử dụng (01 chiếc nhãn hiệu HP 650G4 màu trắng; 01 chiếc nhãn hiệu DELL 5290 màu đen và 01 chiếc nhãn hiệu HP 450 G5 màu trắng); tổng trị giá tài sản bị cáo H trộm cắp là 18.134.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng an toàn xã hội. Bị cáo là người đã thành niên, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng đề thỏa mãn nhu cầu chi tiêu cá nhân, bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm khoản 1 và khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4] Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định về tội “Trộm cắp tài sản” như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[5] Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã một lần bị kết án, bị xử phạt tù về tội trộm cắp tài sản; bản án số 17/HSST ngày 05/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng, xử phạt bị cáo 01 năm 6 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", mặc dù bị cáo đã thi hành xong hình phạt tù từ ngày 03/8/2017, đã thi hành xong các khoản thu nộp ngân sách nhà nước nhưng đến thời điểm bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp vào ngày 28/11/2023 bị cáo vẫn chưa thi hành về trách nhiệm dân sự nên theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Hình sự, bị cáo không đủ điều kiện được đương nhiên xóa án tích, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và tỏ ra ăn năn hối cải; bị hại xác định tài sản mà bị cáo để lại hiện trường vẫn còn nguyên vẹn nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại và người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Viện kiểm sát không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không phù hợp.

[6] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo nói riêng cũng như răn đe, đấu tranh và phòng ngừa tội phạm nói chung cần phải xử phạt bị cáo Phạm Văn H bằng hình phạt tù với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo nhưng cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[7] Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền để nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự nhưng xét thấy bị cáo là người không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại Iphone7Plus, màu đen, IMEI 35535708134878 đã qua sử dụng là công cụ mà bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với 01 đôi dép màu đen đã cũ của bị cáo không còn giá trị sử dụng, bị cáo đề nghị tiêu hủy nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave sơn màu xanh đen, gắn biển kiểm soát 15G1-072.39 bị cáo sử dụng để đi trộm cắp tài sản; đây là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của của bà Nguyễn Thị M, bà M không có lỗi trong việc để cho bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không thuộc trường hợp phải tịch thu theo quy định tại khoản 3 Điều 47 Bộ luật Hình sự nên cần trả lại cho bà Nguyễn Thị M chiếc xe mô tô này.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị H1 đã nhận lại tài sản nguyên vẹn và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

[10] Bị cáo Phạm Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Phạm Văn H phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

2. Về hình phạt: áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Văn H 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 28/11/2023.

3. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự :

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại Iphone7Plus, màu đen, IMEI 35535708134878 đã qua sử dụng;

- Tịch thu tiêu hủy 01 đôi dép màu đen đã qua sử dụng;

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị M 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave sơn màu xanh đen, gắn biển kiểm soát 15G1-072.39 đã qua sử dụng.

(Vật chứng đang quản lý tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng ngày 02/02/2024).

4. Về án phí: áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Phạm Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị H1 có quyền kháng cáo bản án trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Cơ quan Cảnh sát Điều tra, Cơ quan Thi hành án hình sự, Nhà tạm giữ Công an huyện Thái Thụy;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Anh